

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+AMD+HST	7:25	4+14+4	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
2		P3+P5	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
3		TGTH5+P4	7:25	2+20	0+0		2+20	0+0	
4		BK20+CTK3+P1	9:25	0+2+17	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 3 bk20- ctk3
5		MLK+AMD+P4	9:25	10+8	0+0		11+11	0+0	
6		P4+P5+TD3	9:25	15+6+1	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
7		TUNG	10:00	17	0		8	0	
8		P2+CLO+P3	11:25	12+5+5	0+0+0		11+3+8	0+0+0	
9		P1+P7	11:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
10		CTC1+TD2+TD5	13:25	13+0+8	0+0+0		4+0+8	0+0+0	chuyen 3 td2- td5

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P2-1ng, P3-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: P2 - AMD - HST	CREW: VThắng - N.Cường - N.Nam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.	P2					78	KH-THAC	Russian
2	CHU QUYNH AN	P2	93	1	8	22	100	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VIET ANH	P2	94-95	2	9	40	66	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN TINH	P2	96-97	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	STANLEY FUREY	AMD	02-04	3	18		111	BAB	British
6	NGUYEN VO BA LINH	AMD	18-19	2	17		75	HLJOC	Vietnamese
7	HY TAC SANG	AMD	15-16	2	14		70	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN LE HONG VU	AMD	01	1	9		62	TLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	AMD	08-09	2	15		65	TLJOC	Vietnamese
10	TRUONG THE HIEN	AMD	06	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN TAN TRI	AMD	07	1	7	18	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH KHANH	AMD	500	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM ANH NGU	AMD	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO BA THANH	AMD	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN CONG THANH	AMD	12-13	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH CAN	AMD	11	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU HUU CHINH	AMD	14	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	AMD	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGOC THU	HST	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DINH SONG	HST	88	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
21	TRUONG DUC HUNG	HST	87	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN MINH HOAI	HST	86	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	5	34	306	62	1		
2	AMD	14	20	136	977	18	17		
3	HST	4	4	27	272	0	4		
TOTAL		22	29	197	1.555	80	22		
WEIGHT KG				197	1.555	80			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2023	TO: P3 - P5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

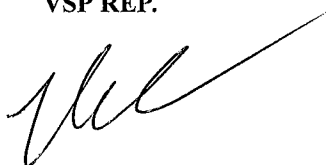
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC VINH	P3	12	1	5	30	69	KH-THAC	Vietnamese
2	HO NGHIA TAI	P3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TAM THUY	P3	13	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THE DIEN	P3	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM KHAC DOAN	P3	15	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
6	MIKHAILOV E	P3	17	1	5		89	KH-THAC	Russian
7	SYSTEROV R	P3	16	1	5		80	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN NGOC ANH TUAN	P3					74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG VIET	P5	55	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG VAN THANH	P5	69	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC ANH CHIEN	P5	57	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TONG XUAN SINH	P5	61	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TU	P5	62	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGOC	P5	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	P5	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CAO MANH	P5	70	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUONG	P5	59-60	2	9		70	YTE	Vietnamese
18	TRUONG THE VINH	P5	65	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN THANH HOANG	P5	67-68	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LE THANH HAI	P5	64	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
21	DOAN NGOC THUONG	P5	66	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN CHUONG	P5	63	1	15		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

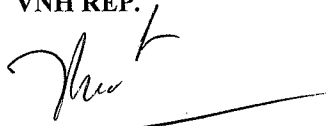
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	8	7	43	590	30	6		
2	P5	14	16	101	975	30	16		
TOTAL		22	23	144	1.565	60	22		
WEIGHT KG				144	1.565	60			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2023	TO: TGTH5 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:30
VANG-1			

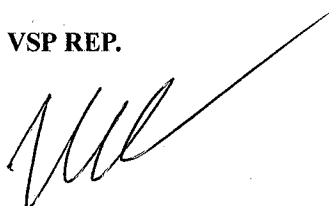
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH KIEN	TGTH5	93	1	8		68	HLJOC	Vietnamese
2	THAI THANH THAO	TGTH5	78	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	MARZIEV M.	P4	40	1	9		87	KH-THAC	Russian
4	PODYMOV D.	P4	39	1	6		145	KH-THAC	Russian
5	HOANG NGOC TRUONG	P4	46	1	6	22	81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THO	P4	44	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HA VAN NIN	P4	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU SY	P4	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH DUC	P4	47	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG KHAC DU	P4	49	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN CHIEN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG HONG VIET	P4	50	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM VAN PHUC	P4	55	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CHI BAO	P4	43	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAO MINH TUAN	P4	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUONG	P4	52	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	P4	48	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG THANH	P4	45	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THANH CAM	P4	56-57	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM XUAN HAI	P4	42	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM NGOC HUNG	P4	41	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI TRONG NGHIA	P4	58	1	5	65	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	2	2	15	146	0	2		
2	P4	20	20	117	1.517	87	20		
TOTAL		22	22	132	1.663	87	22		
WEIGHT KG				132	1.663	87			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

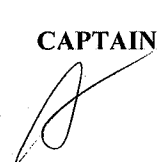
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2023	TO: BK20 - CTK3 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: <i>Hong</i> - N.Cuong - N.Nam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	49	1	8	34	70	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI QUANG HUY	CTK3	44-45	2	20		70	SAN BAY	Vietnamese
3	LÊ THI KIM TUYEN	P1	23-24	2	16		64	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TÙNG	P1	07	1	5	7	62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	03	1	8	60	71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THẮNG	P1	06	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	P1	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHANH DUY	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	P1	05	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VÌ KHẮC THÀNH	P1	18	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN TUẤN	P1	11	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HẢI	P1	10	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO VĂN ĐỒNG	P1	13-14	2	11		89	YTE	Vietnamese
16	LÊ TRI NĂNG	P1	01	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	17	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	15-16	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HỮU CHUNG	P1	12	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHAN	P1	08	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	0	0	0	0	0	073		CHUYEN 3 PAX BK20-CTK3
2	CTK3	2	3	28	140	34	1		
3	P1	18	19	130	1.344	67	21		
TOTAL		20	22	158	1.484	101	22		
WEIGHT KG				158	1.484	101			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

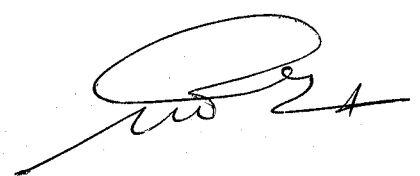
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2023	TO: MRM - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

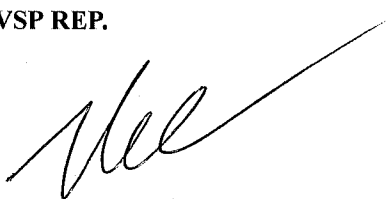
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUAN	MRM	89-90	2	16	10	75	HALLIBUR	Vietnamese
2	LE DAC TRIEM	MRM	92	1	15		75	HALLIBUR	Vietnamese
3	VU QUANG	MRM	93	1	16		79	D-HANH	Vietnamese
4	BUI ANH TU	MRM	96	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO TRỌNG HIỀN	MRM	97-98	2	15		71	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN SY TUAN	MRM	91	1	5		74	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN MINH THAO	MRM	900	1	18		69	DVL	Vietnamese
8	LE HUU NGHIA	MRM	94-95	2	13	200	72	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	29-30	2	19		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VIET THANG	AMD	22	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAO ĐỨC HUY	AMD	26	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HOANG	AMD	27-28	2	16		84	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUOC VIET	AMD	23	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TRAN LIEM	AMD	25	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HONG LINH	AMD	24	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	21	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VIET ĐỨC	AMD	32	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG VIET	AMD	31	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

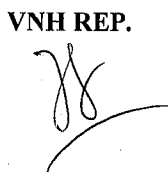
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	8	11	110	584	210	11		
2	AMD	10	12	109	738	0	11		
TOTAL		18	23	219	1.322	210	22		
WEIGHT KG				219	1.322	210			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: P4 - P5 - TD3	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NAM	P4	79	1	3	9	77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	P4	75	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	76-77	2	12		57	KHI	Vietnamese
5	HA QUỐC VIỆT	P4	73	1	1		60	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN YẾN	P4	68	1	2		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ HUNG	P4	72	1	5		62	KHI	Vietnamese
8	PONOMARENKO EVGENY	P4	69	1	7		90	KHI	Russian
9	ĐẶNG BA ĐIỀU	P4	66-67	2	8		54	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	64	1	2		53	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN ĐỨC	P4	65	1	9		54	PSV	Vietnamese
12	KRAMARENKO V.V.	P4					74	ПДНГ	Russian
13	SHEREMETIEV A.V.	P4	70	1	7		78	D-HANH	Russian
14	HUYNH LÊ THIÊN CHINH	P4	74	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	P4	71	1	3		75	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LAM	P5	74-75	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH NAM	P5	76-77	2	18		67	CODIEN	Vietnamese
18	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	79	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ KHẮC ĐA	P5	80	1	3		65	PSV	Vietnamese
20	ĐẠO XUÂN THANH	P5	81	1	2		66	PSV	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN LƯU	P5	78	1	5		51	PSV	Vietnamese
22	NGÔ HOANG NAM	TD3	61-62	2	20	15	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	65	986	9	8		
2	P5	6	8	45	379	0	6		
3	TD3	1	2	20	75	15	8		
TOTAL		22	25	130	1.440	24	22		
WEIGHT KG				130	1.440	24			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:05
FLIGHT: 07	TO: T.UNG	CREW: ATUÁN - TRƯỜNG	ETA: 13:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HUY	T.UNG	23-24	2	14	22	71	MERMAID	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC MINH	T.UNG	25	1	10		67	MERMAID	Vietnamese
3	VŨ DUY DUNG	T.UNG	26	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC TUẤN	T.UNG	01,31	2	7		72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN KHANH	T.UNG	10-11	2	25		72	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI CÔNG ĐỊNH	T.UNG	15-16	2	25		109	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	17-18	2	22		82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THAI	T.UNG	27-28	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN LAM	T.UNG	29-30	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN DƯƠNG	T.UNG	21-22	2	25		55	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VĂN BẠC	T.UNG	12	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN DOÀN ĐOÀN	T.UNG	04-05	2	22		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DUNG	T.UNG	02-03	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	T.UNG	19-20	2	22		80	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG DƯƠNG	T.UNG	08-09	2	25		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	T.UNG	06-07	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	29	288	1.159	22	8		
TOTAL		16	29	288	1.159	22	8		
WEIGHT KG				288	1.159	22			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2023	TO: P2 - CLO - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Toan	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC QUAN	P2	16	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
2	LUU CONG DINH	P2	22	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HAI LINH	P2	20	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI DINH THO	P2	17-18	2	22		69	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG QUOC LONG	P2	19	1	5	10	61	PSV	Vietnamese
6	TRAN VAN HIEP	P2	14-15	2	19		88	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VINH THAO	P2	12-13	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO DUC THUAN	P2	21	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HA QUANG TRUNG	CLO	62	1	11	34	65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU THE HUNG	CLO	61	1	13		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DINH PHUONG	CLO	07	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH TUAN	CLO	93	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN BA LINH	CLO	08-09	2	22		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG THANH	P3	85	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO DINH HUY	P3	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM TUAN KHAI	P3	87	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	P3	86	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH SONG HAI	P3	31-32	2	12		59	YTE	Vietnamese
19	ĐO HOAI NAM	P3	82	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	CAO DUY LUNG	P3	83	1	5		57	PSV	Vietnamese
21	PHAM HONG DIEN	P3	81	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHAM CONG DUY	P3	80	1	8		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	11	98	524	10	8		
2	CLO	5	6	64	358	34	3		
3	P3	9	10	59	609	0	11		
TOTAL		22	27	221	1,491	44	22		
WEIGHT KG				221	1,491	44			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	TO: P1 - P7	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	49	1	3	30	62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TỰ	P1	44	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	43	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO ĐĂNG PHONG	P1	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	CHÂU HÙNG HUỖ	P1	47-48	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	41	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TIẾN	P1					68	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ QUANG TUYẾN	P1	45	1	8		94	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ TÂN ĐƯỢC	P1	42	1	11		74	PSV	Vietnamese
10	HOANG MẠNH CƯỜNG	P7	58	1	10	16	64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	44	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN SƠN	P7					63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TIẾN HIỆP	P7	50	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CÔNG LAN	P7					68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC SƠN	P7	52	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HÙNG BAY	P7	45	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HOÀI THANH	P7	48-49	2	12		66	YTE	Vietnamese
20	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	46	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN QUYỀN	P7	47	1	7		57	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LOAN	P7	43	1	3	86	46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

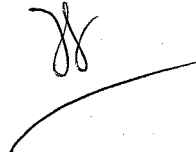
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	9	49	648	30	8		
2	P7	13	11	66	867	102	14		
TOTAL		22	20	115	1.515	132	22		
WEIGHT KG				115	1.515	132			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	TO: CTC1 - TD2 - TD5	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 16:20
DO-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI ANH TUÂN	CTC1	65	1	15	70	102	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN TIẾP	CTC1	61-62	2	16	7	74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	CTC1	63-64	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DINH TRUONG	CTC1	05	1	6		74	PSV	Vietnamese
5	TRẦN DUY KHANH	CTC1	59-60	2	17		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HUNG	CTC1	50	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN PHUỐC HUNG	CTC1	55-56	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
8	LAI XUÂN ĐƯỢC	CTC1	51	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI THẮNG	CTC1	57-58	2	10		64	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẠO HỮU TUYẾN	CTC1	48-49	2	25		67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VÂN	CTC1	02-03	2	21		71	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU QUÝ DUNG	CTC1	66	1	13		58	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN CHÍNH	CTC1	54	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HÀM CHUNG	CTC1	52-53	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
15	LE THANH THAI	TD5	81	1	18		91	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THAI QUYNH	TD5	82	1	16		78	KHOAN	Vietnamese
17	BUI THAI QUI	TD5	80	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HUYNH TRUNG	TD5	79	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	77-78	2	13		74	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾN.	TD5	74	1	5		67	DVL	Vietnamese
21	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	76	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	14	22	207	986	77	4		CHUYEN 3 PAX TD2-TD5
2	TD2	0	0	0	0	0	0	3	
3	TD5	7	8	76	542	0	8		
TOTAL		21	30	283	1.528	77	12		
WEIGHT KG				283	1.528	77			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN BDIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+RP3+PPD	7:25	5+16+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	chuyen 2 rp3-ppd
3		CTK3+P4	9:25	18+4	0+0		15+7	0+0	chuyen 2 ctk3-p4
4		PPD+P4	9:25	10+12	0+0		10+12	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD	CREW: Dương - MTHAO - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LONG	PPD	23-24	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	63	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	61	1	3		72	KHI	Vietnamese
4	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	19	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	39-40	2	10		75	KHI	Vietnamese
6	NGO SỸ THANH	PPD	42	1	5		88	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	20	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	37-38	2	10		75	KHI	Vietnamese
9	OKOVANTSEV GF	PPD	62	1	10		100	KHI	Russian
10	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	36	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	41	1	3	90	75	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	34	1	5		55	KHI	Vietnamese
13	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	33	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC KHUYỀN	PPD	35	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD					60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	43	1	5		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÂM	PPD	60,44	2	15		70	YTE	Vietnamese
18	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	21	1	3		85	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	34	1	8		75	KHI	Vietnamese
20	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	31	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	18	1	5		68	KHI	Vietnamese
22	LÊ THANH TRUNG	PPD	22	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	25	136	1.573	90	22		
	TOTAL	22	25	136	1.573	90	22		
	WEIGHT KG			136	1.573	90			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2023	TO: TD2 - RP3 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Son - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

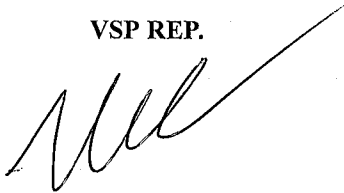
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IVLEV IGOR N	TD2	69-70	2	15		72	D-HANH	Russian
2	PARSHKOV EVGENIY V	TD2	68	1	5		84	D-HANH	Russian
3	IOV RUSLAN IU	TD2	71	1	9		70	KHOAN	Russian
4	RAKHMATULLIN RINAT S	TD2	72	1	10		85	KHOAN	Russian
5	VŨ TRƯỜNG NAM	TD2	73	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	DUBOV ALEKSANDR	RP3	300	1	5		98	KH-THAC	Russian
7	KHARITONOV YURY	RP3	93	1	7		75	KHI	Russian
8	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	99	1	10		81	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KÝ	RP3	98	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	51	1	5		83	KHI	Vietnamese
11	HÀ VĂN THUY	RP3	500	1	6		72	KHI	Vietnamese
12	HOANG VĂN HAI	RP3	48	1	8		63	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	94	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RP3	198	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
15	CAO NGỌC TRỌNG	RP3	97	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
16	VUÔNG ĐỨC TRỌNG	RP3	95-96	2	8		75	CODIEN	Vietnamese
17	ĐÀO XUÂN HAI	RP3	199,200	2	10		85	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	52	1	4		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					90	KHI	Vietnamese
20	VŨ ĐÓN LONG	RP3	499	1	8		72	KHI	Vietnamese
21	LÊ XUÂN VIỆT	RP3					77	KHI	Vietnamese
22	LÊ TRUNG LÂN	PPD	300	1	3	70	80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

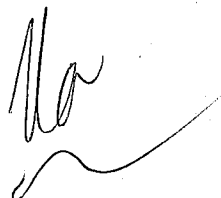
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	43	376	0	0		CHUYEN 02 PAX TU RP3 SANG PPD
2	RP3	16	16	97	1.219	0	17	2	
3	PPD	1	1	3	80	70	5		
TOTAL		22	23	143	1.675	70	22		
WEIGHT KG				143	1.675	70			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

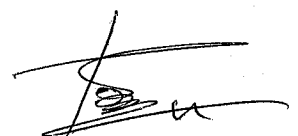
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - P4	CREW: Dương - MTHAO - Vũ	ETA: 14:00
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	CTK3	30,74	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN HOA	CTK3	98	1	16	45	55	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	CTK3	73	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC TRƯỞNG	CTK3	14-15	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHA	CTK3	12	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN HẬU HAI	CTK3	99	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH ĐỒ	CTK3	21	1	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC SANG	CTK3	06	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN XUAN HUNG	CTK3	11	1	16	35	54	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG ĐĂNG	CTK3	16	1	19		75	XAYLAP	Vietnamese
11	CÙ CHÍ CÔNG	CTK3	17,20	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	08,300	2	12		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY HIỆP	CTK3	04	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HIỆU	CTK3	25	1	6		63	PSV	Vietnamese
15	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	19	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	LÊ TUÂN VŨ	CTK3	13	1	7		98	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	97	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	96	1	6		55	PSV	Vietnamese
19	OVCHARENKO A.	P4	04	1	5		82	KHI	Russian
20	ZAGUDAEV V.	P4	03	1	3		80	KHI	Russian
21	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	01	1	10		71	KHI	Vietnamese
22	LÊ VĂN HOÀN	P4	02	1	4		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

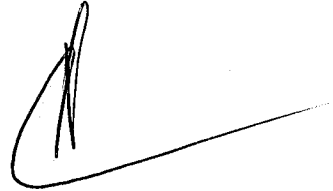
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	18	22	219	1.197	95	15	9	CHUYEN 2 PAX CTK3-P4
2	P4	4	4	22	307	0	7		
TOTAL		22	26	241	1.504	95	22		
WEIGHT KG				241	1.504	95			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2023	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

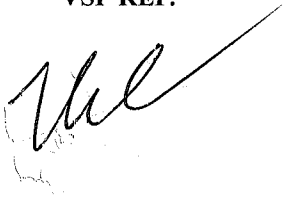
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	86	1	5		78	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	90	1	5		73	PSV	Vietnamese
3	BUI XUÂN ĐIệp	PPD	85	1	9		65	PSV	Vietnamese
4	VŨ THE LIEN	PPD	92-93	2	10		68	PSV	Vietnamese
5	LÊ TIỀN LỢI	PPD	87	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	88	1	4	40	68	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TRONG TAN NGHIA	PPD	83	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	PHẠM VIỆT HOANG	PPD	89	1	8		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HUNG	PPD	99	1	6		67	PSV	Vietnamese
10	BUI THANH TUNG	PPD	91	1	8		70	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	P4	99	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC DUY	P4	96	1	4		61	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	98	1	5		78	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	P4	94	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG VINH	P4	300	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LAM	P4	95	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	97	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	89-90	2	14		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUÂN	P4	84-85	2	18		84	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NGHIA	P4	92-93	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
22	HA XUÂN THANH	P4	87-88	2	15	20	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	11	65	681	40	10		
2	P4	12	15	100	831	20	12		
TOTAL		22	26	165	1.512	60	22		
WEIGHT KG				165	1.512	60			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

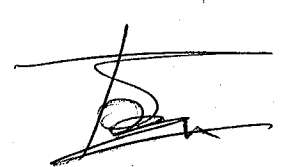
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P9+CLO	7:55	6+1+10	0+0+0		2+1+16	0+0+0	
2		TD1	9:25	21	0		22	0	
3		TSN+P2+TSN	08:00	0+18+0	0		0+17+1	0	dừng tại P2-3h

TTBDSX

PG
Chuyến bay đến địa điểm PG (XUICKS). 15h -

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - P9 - CLO	CREW: CHIẾN - XTrường - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

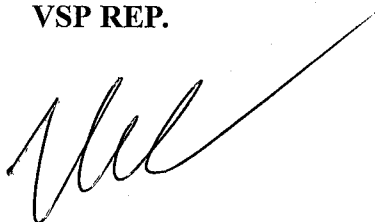
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HIỀN GIANG	TD5	89	1	6	24	71	SEAMAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THANH	TD5	88	1	7	158	59	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HAI LÂM	TD5	87	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TRÍ	TD5	85	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	84	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO THANH HAI	TD5	86	1	10		67	DVL	Vietnamese
7	VASYANKIN A.	P9	01	1	12		114	KH-THAC	Russian
8	VLASOV ALEKSANDR	CLO	05	1	5		89	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUƠNG LONG	CLO	10	1	5	33	76	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH ĐỨC TIỀN	CLO	11	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ THÈ NANG	CLO	09	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	08	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN LONG	CLO	06	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ NGỌC LUAN	CLO	07	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO HUY BÌNH	CLO	01-02	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM NAM HAI	CLO	03-04	2	9		83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

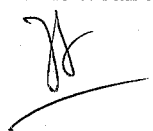
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	51	398	182	2		
2	P9	1	1	12	114	0	1		
3	CLO	10	11	52	764	33	18		
TOTAL		17	18	115	1.276	215	21		
WEIGHT KG				115	1.276	215			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

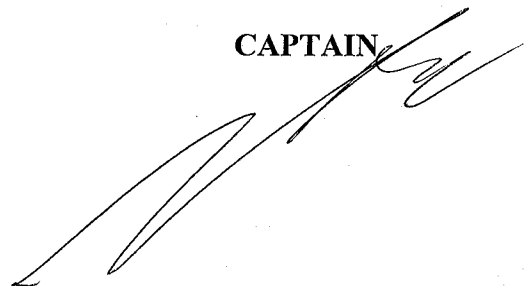
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2023	TO: TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrường -	ETA: 11:40
XANH-1		QTrường	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN DUY	TD1	84	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
2	VU ĐỨC TOÀN	TD1	79	1	6	100	82	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH CAO TRỌNG	TD1	62	1	10	32	70	KHOAN	Vietnamese
4	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					110	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	70	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HIẾU	TD1	58-59	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
7	MAI VĂN HỘI	TD1					85	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	TD1	74	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH HOANG	TD1	78	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	VU HUU KE	TD1	66-67	2	9		84	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU ĐÌNH MINH	TD1	68-69	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HUNG	TD1	63-64	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ HÀ	TD1	73	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH VINH	TD1	80-81	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
15	VÔ TÁ HOÀN	TD1	71-72	2	10		72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG LUÂN	TD1	60-61	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	TD1	76-77	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN Y	TD1	82-83	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	TD1	85-86	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC VIỆT	TD1	75	1	8		61	PSV	Vietnamese
21	LÊ QUANG HÀ	TD1	65	1	6		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

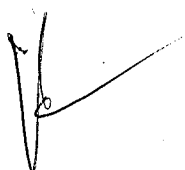
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	29	202	1.558	132	22		
	TOTAL	21	29	202	1.558	132	22		
	WEIGHT KG			202	1.558	132			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2023	TO: P8(+1H)	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: CAP CI	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - N.Nam	ETA: 14:00

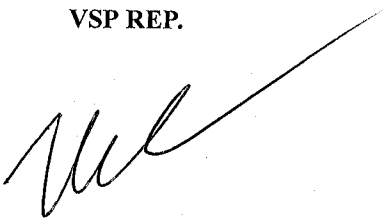
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SON	P8				20	69	Y TE	Vietnamese
2	PHAM KIM CUONG	P8					60	DHANH	Vietnamese
3	DOAN VAN HONG	P8					74	VKS	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ANH TUAN	P8					72	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC DAO	P8					71	CA THANH	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MINH	P8					74	DHANH	Vietnamese
7	BUI XUAN THAI	P8					79	PC01	Vietnamese
8	CAO THE HIEU	P8					82	PC01	Vietnamese
9	TRUONG DUY VUONG	P8					78	PC09	Vietnamese
10	PHAN MINH HAI	P8					65	PC09	Vietnamese
11	VU DUC TRUNG	P8					75	KT-VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	11	0	0	799	20	12		
	TOTAL	11	0	0	799	20	12		
	WEIGHT KG			0	799	20			

GRAND TOAL: 819 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

